

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận sinh viên trình độ cao đẳng, hệ chính quy đạt chuẩn đầu ra
ngoại ngữ - Khóa thi ngày 13/9/2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-CĐKT ngày 10/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về yêu cầu năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên cao đẳng hình thức chính quy;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-CĐKT ngày 13/01/2021 về việc điều chỉnh một số điều của Quy định về yêu cầu năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên cao đẳng hình thức chính quy tại trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 483/QĐ-CĐKT ngày 10/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 592/KH-CĐKT ngày 24/8/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thi Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ – Khóa thi ngày 13 tháng 9 năm 2026;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận 141 sinh viên trình độ cao đẳng, hệ chính quy đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ -Tiếng Anh, khóa thi ngày 13 tháng 9 năm 2026, cụ thể:

- + Trình độ tương đương A2: 102 sinh viên
- + Trình độ tương đương B1: 32 sinh viên
- + Trình độ tương đương B2: 07 sinh viên

(Danh sách đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng Quản lý Đào tạo –Thư viện, các Khoa, Trung tâm Truyền thông – Tuyển sinh và Dịch vụ, Sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 12

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: HĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Tú

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN SINH VIÊN CAO ĐẲNG
ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2
KHÓA THI NGÀY 13/9/2026**

(Kèm theo Quyết định số 15./QĐ-HĐT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ)

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe		
01	A2-01	25641029	Trương Hoàng	An	24/03/2002	Nam	TP.HCM	9.0	9.1	8.8	9.0	Đạt
02	A2-02	25641176	Hoàng Quỳnh	Anh	10/08/2007	Nữ	TP.HCM	7.0	7.2	7.6	7.3	Đạt
03	A2-03	23635084	Phạm Nguyễn Tú	Anh	12/10/2005	Nữ	Đắk Lắk	7.5	3.8	6.8	6.0	Đạt
04	A2-114	23641083	Phan Nguyễn Ngọc	Ánh	12/11/2005	Nữ	Quảng Trị	6.5	5.1	7.2	6.3	Đạt
05	A2-04	23631168	Ngô Ngọc	Bảo	01/02/2005	Nữ	TP.HCM	7.0	7.1	5.2	6.4	Đạt
06	A2-05	25631142	Đỗ Thị Quyên	Bình	06/05/2007	Nữ	Đồng Tháp	6.5	7.3	5.6	6.5	Đạt
07	A2-06	23681014	Trần Nguyễn Nhã	Ca	17/01/2005	Nữ	Đồng Tháp	7.0	8.0	6.8	7.3	Đạt
08	A2-07	24600360	Nghiêm Thị Loan	Châu	27/08/2003	Nữ	Nghệ An	8.0	8.7	9.6	8.8	Đạt
09	A2-08	25663006	Lư Mẫn	Chi	19/09/2006	Nữ	TP.HCM	6.0	7.2	6.4	6.5	Đạt
10	A2-09	25641091	Nguyễn Huỳnh Anh	Đào	30/03/2007	Nữ	Khánh Hòa	7.0	7.9	8.0	7.6	Đạt
11	A2-10	23641462	Lê Thị Hồng	Diệp	20/03/2005	Nữ	An Giang	7.0	7.1	6.0	6.7	Đạt
12	A2-11	25641048	Keng Anh	Đức	29/07/2004	Nam	Tây Ninh	6.0	8.4	6.0	6.8	Đạt
13	A2-12	24600196	Lâm Chí	Dũng	11/10/2005	Nam	An Giang	7.5	9.3	10	8.9	Đạt
14	A2-13	23635104	Lư Thanh	Dương	16/01/2005	Nam	TP.HCM	6.0	8.0	8.0	7.3	Đạt
15	A2-14	25614401	Đỗ Đình	Duy	04/09/2007	Nam	TP.HCM	7.5	7.5	9.6	8.2	Đạt
16	A2-15	24631039	La Bích	Giang	15/02/1994	Nữ	An Giang	5.0	7.6	8.8	7.1	Đạt
17	A2-17	25614224	Hoàng Thụy Bảo	Hân	15/10/2007	Nữ	TP.HCM	8.0	4.9	9.6	7.5	Đạt
18	A2-18	22631494	Huỳnh Bảo	Hân	29/06/2004	Nữ	TP.HCM	6.0	7.7	7.6	7.1	Đạt
19	A2-19	24631251	Nguyễn Ngọc	Hân	10/01/2006	Nữ	Khánh Hòa	7.0	8.4	7.6	7.7	Đạt
20	A2-20	23631351	Trương Gia	Hân	13/09/2005	Nữ	TP.HCM	7.5	8.4	6.8	7.6	Đạt



TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú	
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết				Nghe
21	A2-121	22631232	Trần Thị Thúy	Hằng	06/02/2004	Nữ	TP. HCM	6.0	8.2	6.4	6.9	Đạt	
22	A2-21	23681053	Trần Nguyễn Ngọc	Hiền	01/01/2003	Nam	TP.HCM	8.0	5.2	8.4	7.2	Đạt	
23	A2-23	24631054	Nguyễn Phương	Hoàng	20/10/1987	Nữ	Vĩnh Long	7.0	7.9	9.6	8.2	Đạt	
24	A2-24	25614483	Lê Ngọc	Hương	31/08/2007	Nữ	Vĩnh Long	7.0	8.7	9.6	8.4	Đạt	
25	A2-25	24641127	Nguyễn Trần	Huy	20/09/2005	Nam	Tây Ninh	6.5	5.0	9.6	7.0	Đạt	
26	A2-26	25631046	Huỳnh Minh	Khánh	12/12/2007	Nam	TP.HCM	8.0	8.2	7.6	7.9	Đạt	
27	A2-27	25631047	Huỳnh Nhật	Khánh	12/12/2007	Nam	TP.HCM	7.5	7.1	6.4	7.0	Đạt	
28	A2-28	22631145	Nguyễn Đăng	Khoa	14/03/2003	Nam	TP.HCM	8.0	9.3	10	9.1	Đạt	
29	A2-29	25641139	Trần Đăng	Khoa	16/04/2007	Nam	TP.HCM	7.5	5.8	8.8	7.4	Đạt	
30	A2-30	23671011	Lý Anh	Kiệt	06/10/2005	Nam	Đồng Nai	8.0	8.5	9.6	8.7	Đạt	
31	A2-31	24641069	Hồ Thị Quang	Lin	12/06/2006	Nữ	Tây Ninh	7.0	9.0	8.4	8.1	Đạt	
32	A2-32	22631017	Chu Ngọc Mỹ	Linh	18/05/2003	Nữ	Đồng Nai	7.5	8.5	8.8	8.3	Đạt	
33	A2-33	24641368	Nguyễn Ngọc Thuý	Linh	11/02/2001	Nữ	TP.HCM	8.0	9.4	8.8	8.7	Đạt	
34	A2-34	24631345	Trịnh Gia	Linh	16/11/2006	Nữ	Đồng Nai	6.0	4.8	6.8	5.9	Đạt	
35	A2-35	25614136	Trần Quang	Long	08/05/2005	Nam	Đồng Nai	7.0	6.5	7.2	6.9	Đạt	
36	A2-36	24600510	Cù Thị	Lý	30/08/2006	Nữ	Gia Lai	6.0	9.3	8.4	7.9	Đạt	
37	A2-37	24631337	Trần Thị Thanh	Mai	21/10/1997	Nữ	TP.HCM	6.0	8.5	9.2	7.9	Đạt	
38	A2-38	25611011	Lục Gia	Mẫn	24/04/2004	Nữ	An Giang	6.5	5.5	4.8	5.6	Đạt	
39	A2-117	22661010	Bùi Lê	Minh	19/01/2002	Nam	Đồng Tháp	6.5	4.1	4.4	5.0	Đạt	
40	A2-41	24631143	Đỗ Đào Kim	Ngân	12/07/2003	Nữ	Quảng Ngãi	8.0	9.0	7.6	8.2	Đạt	
41	A2-42	24631002	Lê Trần Thiên	Ngân	05/12/2003	Nữ	TP.HCM	7.0	7.5	4.8	6.4	Đạt	
42	A2-43	24641022	Ngô Thị Kim	Ngân	21/12/2005	Nữ	Tây Ninh	5.0	4.9	5.2	5.0	Đạt	
43	A2-119	23671039	Nguyễn Hữu Tịnh	Nghi	26/10/2005	Nữ	Lâm Đồng	4.5	5.4	5.2	5.0	Đạt	
44	A2-47	24600244	Võ Thị Kim	Ngọc	22/05/2005	Nữ	Trà Vinh	9.0	8.9	8.4	8.8	Đạt	
45	A2-50	24600048	Cao Bội	Nhi	14/05/2006	Nữ	TP.HCM	7.5	7.5	6.8	7.3	Đạt	
46	A2-51	23600102	Lê Thị Yên	Nhi	21/10/2005	Nữ	Lâm Đồng	7.0	6.8	4.4	6.1	Đạt	
47	A2-52	23635108	Huỳnh Thị Ngọc	Như	05/09/2026	Nữ	Đồng Tháp	9.0	6.2	8.0	7.7	Đạt	
48	A2-53	25631075	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	10/11/2006	Nữ	Tây Ninh	7.0	8.5	6.8	7.4	Đạt	
49	A2-55	24612022	Nguyễn Thị Bé	Nữ	06/05/2005	Nữ	TP.HCM	6.0	8.9	10	8.3	Đạt	
50	A2-56	24635203	Lê Gia	Phú	21/12/2006	Nam	Khánh Hòa	10.0	8.8	9.2	9.3	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
51	A2-58	24600185	Võ Thị Minh	Quân	30/03/2006	Nữ	Tây Ninh	8.0	9.5	5.2	7.6	Đạt	
52	A2-59	23600292	Vũ Thiện	Quân	02/08/2005	Nam	TP.HCM	9.0	8.0	8.8	8.6	Đạt	
53	A2-60	24631343	Cao Thị Trung	Quyên	23/10/2002	Nữ	TP.HCM	8.0	7.0	5.6	6.9	Đạt	
54	A2-61	23631352	Cao Trần Mỹ	Quyên	12/01/2005	Nữ	TP.HCM	8.0	8.2	7.6	7.9	Đạt	
55	A2-62	23635183	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	31/01/2005	Nữ	TP.HCM	8.0	9.1	9.2	8.8	Đạt	
56	A2-64	24682029	Tăng Minh	Sang	03/08/2006	Nam	TP.HCM	7.5	8.2	6.0	7.2	Đạt	
57	A2-65	20641941	Trần Hải Kim	Sơn	04/05/2001	Nam	TP.HCM	9.0	9.3	9.6	9.3	Đạt	
58	A2-67	23600278	Võ Hoàng	Sơn	12/05/2005	Nam	TP.HCM	5.5	6.3	3.2	5.0	Đạt	
59	A2-68	24661016	Lê Ngọc	Tài	03/08/2006	Nam	Khánh Hòa	9.0	7.6	5.6	7.4	Đạt	
60	A2-69	24641250	Ngô Thị Mỹ	Tâm	19/12/2006	Nữ	Đồng Tháp	7.0	8.8	9.2	8.3	Đạt	
61	A2-71	24600250	Hồ Thị Hồng	Thắm	01/01/2006	Nữ	Lâm Đồng	5.5	5.7	4.8	5.3	Đạt	
62	A2-72	24635182	Ngô Ngọc	Thắm	27/02/2006	Nữ	Tây Ninh	9.5	9.3	6.4	8.4	Đạt	
63	A2-115	20661004	Nguyễn Văn	Thắng	27/01/1997	Nam	Đắk Lắk	6.5	7.8	5.6	6.6	Đạt	
64	A2-73	25631001	Đoàn Trần Thái	Thanh	20/03/1998	Nữ	TP.HCM	9.0	9.4	8.0	8.8	Đạt	
65	A2-74	24611121	Huỳnh Hồ Kim	Thanh	17/11/2006	Nữ	TP.HCM	7.5	6.5	6.0	6.7	Đạt	
66	A2-75	21635016	Dương Hoàng Anh	Thư	03/11/2003	Nữ	TP.HCM	6.5	4.5	5.6	5.5	Đạt	
67	A2-76	24600509	Lê Trần Minh	Thư	23/02/2006	Nữ	Long An	6.0	6.6	8.4	7.0	Đạt	
68	A2-77	23631034	Ngô Ngọc Anh	Thư	09/08/2002	Nữ	TP.HCM	9.0	8.0	7.2	8.1	Đạt	
69	A2-78	25611104	Trần Nguyên Thiên	Thư	19/04/2007	Nữ	TP.HCM	9.0	7.7	7.2	8.0	Đạt	
70	A2-79	24631193	Danh Thị Anh	Thư	30/03/2006	Nữ	Bình Thuận	6.5	7.2	7.2	7.0	Đạt	
71	A2-80	23651026	Phan Hoài	Thương	24/11/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	8.8	8.4	8.1	Đạt	
72	A2-81	25614443	Võ Nguyễn Hoài	Thương	10/10/2007	Nữ	TP.HCM	7.0	9.4	10	8.8	Đạt	
73	A2-82	24611075	Lê Thị Thanh	Thúy	07/10/2006	Nữ	Khánh Hòa	6.5	9.4	8.4	8.1	Đạt	
74	A2-83	24631335	Lý Phạm Ngọc	Thúy	13/07/2006	Nữ	TP.HCM	6.0	7.8	6.0	6.6	Đạt	
75	A2-84	24600146	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tiên	15/04/2006	Nữ	Vĩnh Long	6.0	9.4	10	8.5	Đạt	
76	A2-85	24600563	Nguyễn Thị Hồng	Tiên	20/08/2005	Nữ	Đà Nẵng	7.0	8.0	7.6	7.5	Đạt	
77	A2-86	24600145	Dương Hùng Phước	Tiến	24/06/2003	Nam	TP.HCM	9.5	8.8	9.6	9.3	Đạt	
78	A2-87	23600290	Thái Trung	Tín	24/12/2005	Nam	Vĩnh Long	7.0	9.1	10	8.7	Đạt	
79	A2-88	25614472	Võ Bùi Hoàng	Tính	21/06/2007	Nam	TP.HCM	6.0	9.3	9.6	8.3	Đạt	
80	A2-89	24682031	Nguyễn Thái	Toàn	07/04/2006	Nam	TP.HCM	8.0	9.9	9.6	9.2	Đạt	

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
81	A2-90	23612011	Nguyễn Thị Kim	Toàn	27/09/2004	Nữ	Đồng Tháp	6.5	7.0	8.0	7.2	Đạt	
82	A2-91	25663013	Dương Xuân	Trâm	03/12/2006	Nữ	TP.HCM	5.5	5.6	7.2	6.1	Đạt	
83	A2-92	24600142	Nguyễn Hoàng Mai	Trâm	21/09/2005	Nữ	TP.HCM	6.5	8.8	5.6	7.0	Đạt	
84	A2-93	25614407	Nguyễn Bảo	Trân	25/01/2007	Nữ	Cần Thơ	7.5	8.0	5.2	6.9	Đạt	
85	A2-116	24611077	Nguyễn Ngọc Hà	Trân	23/02/2006	Nữ	Tiền Giang	6.5	7.4	8.8	7.6	Đạt	
86	A2-95	25614466	Nguyễn Thị Thiên	Trang	11/01/2007	Nữ	Đồng Nai	7.5	9.4	8.8	8.6	Đạt	
87	A2-96	23611084	Võ Thị Thuỷ	Trang	17/07/2005	Nữ	TP.HCM	7.0	8.2	6.0	7.1	Đạt	
88	A2-97	24631052	Đinh Nguyễn Phương	Trúc	12/02/2006	Nữ	TP.HCM	9.5	7.3	6.8	7.9	Đạt	
89	A2-98	24641117	Nguyễn Thanh	Trường	18/05/2006	Nam	TP.HCM	6.5	6.2	6.8	6.5	Đạt	
90	A2-99	25651014	Trần Hoàng	Tú	27/04/2006	Nam	Tiền Giang	6.0	4.7	7.2	6.0	Đạt	
91	A2-100	25631244	Nguyễn Đỗ Cẩm	Tú	23/02/2007	Nữ	Lâm Đồng	6.0	7.0	4.8	5.9	Đạt	
92	A2-101	24600549	Hà Thị Thanh	Tuyền	19/02/2004	Nữ	Đồng Tháp	7.0	7.4	4.0	6.1	Đạt	
93	A2-102	23631142	Lê Thanh	Tuyền	24/03/2005	Nữ	Tây Ninh	6.5	6.9	8.0	7.1	Đạt	
94	A2-103	23631070	Đặng Trần Thanh	Vân	22/04/2004	Nữ	TP.HCM	7.0	9.1	8.4	8.2	Đạt	
95	A2-104	24600355	Cao Xuân	Vũ	26/01/2006	Nam	Lâm Đồng	6.5	9.3	9.6	8.5	Đạt	
96	A2-105	23681015	Nguyễn Tuấn	Vũ	09/08/2004	Nam	TP.HCM	6.0	7.3	8.4	7.2	Đạt	
97	A2-107	24631012	Trần Thanh	Vy	24/10/2006	Nữ	TP.HCM	6.5	7.6	8.8	7.6	Đạt	
98	A2-108	25631048	Nguyễn Trần Như	Ý	13/03/2007	Nữ	Đồng Tháp	8.0	5.3	3.2	5.5	Đạt	
99	A2-109	24600553	Lê Ngọc Minh	Yến	25/05/2006	Nữ	Vĩnh Long	6.0	7.9	7.6	7.2	Đạt	
100	A2-110	25631034	Lương Hoàng	Yến	27/10/2005	Nữ	TP.HCM	7.0	6.4	6.4	6.6	Đạt	
101	A2-111	25663010	Phan Hải	Yến	12/02/2007	Nữ	TP.HCM	6.0	7.5	8.4	7.3	Đạt	
102	A2-112	24631220	Võ Hà Hoàng	Yến	25/08/2006	Nữ	Tây Ninh	5.5	7.3	6.0	6.3	Đạt	

Tổng danh sách: 102 SV

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN SINH VIÊN CAO ĐẲNG
ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1
KHÓA THI NGÀY 13/9/2026**

(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ)

TT	Số BD	Thông tin sinh viên					Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe		
01	B1-01	24613148	Nguyễn Phước	Ân	22/10/1998	Nam	TP.HCM	7.5	8.4	10	8.6	Đạt
02	B1-02	25614389	Võ Thành	Danh	20/10/1999	Nam	Quảng Ngãi	8.8	9.4	8.8	9.0	Đạt
03	B1-03	25614387	Nguyễn Thị Khánh	Dung	25/07/2007	Nữ	Huế	8.5	9.4	8.6	8.8	Đạt
04	B1-04	25613097	Nguyễn Thị Thuý	Dương	04/07/2007	Nữ	Lâm Đồng	6.5	10	9.2	8.6	Đạt
05	B1-05	25612077	Trần Thị Thúy	Duyên	15/11/2007	Nữ	Lâm Đồng	8.5	10	10	9.5	Đạt
06	B1-06	25613127	Đinh Nữ Ngọc	Hân	04/04/2006	Nữ	Ninh Thuận	7.8	9.8	8.8	8.8	Đạt
07	B1-07	25613322	Trần Thị Thúy	Hạnh	06/10/2007	Nữ	Hà Tĩnh	8.5	9.2	9.2	9.0	Đạt
08	B1-08	25614366	Trương Nghĩa	Hiệp	17/01/2007	Nam	Cà Mau	9.0	9.0	8.8	8.9	Đạt
09	B1-09	23661054	Nguyễn Lê Trung	Hiếu	09/04/1999	Nam	Tây Ninh	9.5	9.8	9.6	9.6	Đạt
10	B1-10	24613152	Phạm Quang	Hiếu	28/03/2006	Nam	TP.HCM	8.8	10	10	9.6	Đạt
11	B1-11	24613145	Lâm Đại	Hung	18/11/2006	Nam	TP.HCM	9.0	9.6	9.6	9.4	Đạt
12	B1-12	24613111	Nguyễn Thị Hoài	Hương	10/01/2006	Nữ	TP.HCM	4.5	10	9.6	8.0	Đạt
13	B1-13	24613036	Võ Mộng	Nguyên	11/12/2003	Nữ	Cần Thơ	7.5	10	9.2	8.9	Đạt
14	B1-14	24613028	Phạm Huỳnh Tuyết	Nhi	06/10/2004	Nữ	Tây Ninh	7.5	9.4	8.7	8.5	Đạt
15	B1-15	25613100	Nguyễn Tấn	Phước	03/03/2007	Nam	TP.HCM	7.0	7.6	6.0	6.9	Đạt
16	B1-16	24613047	Nguyễn Võ Hoài	Phương	23/02/2005	Nữ	TP.HCM	7.5	9.6	10	9.0	Đạt
17	B1-17	24613069	Lý Hoàng	Quân	19/10/2004	Nam	Tây Ninh	6.8	10	5.6	7.5	Đạt
18	B1-18	25613263	Đoàn Minh	Quang	24/06/2007	Nam	Lâm Đồng	8.5	10	8.0	8.8	Đạt
19	B1-19	24631074	Đoàn Ngọc	Quế	22/03/2003	Nữ	Đồng Tháp	6.8	10	10	8.9	Đạt
20	B1-20	24613159	Huỳnh Thị Kim	Quyển	18/10/2006	Nữ	Đắk Lắk	6.0	10	10	8.7	Đạt

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
21	B1-21	25613137	Hồ Nguyễn Quỳnh	Tâm	18/01/2007	Nữ	TP.HCM	8.5	9.2	8.2	8.6	Đạt	
22	B1-22	24613271	Nguyễn Minh	Thành	22/11/2005	Nam	TP.HCM	8.5	10	9.6	9.4	Đạt	
23	B1-23	23600025	Nguyễn Trần Bảo	Thi	08/05/2003	Nữ	Đồng Nai	7.0	6.2	7.6	6.9	Đạt	
24	B1-24	24613231	Bùi Nguyễn Anh	Thư	03/03/2006	Nữ	Tây Ninh	8.8	9.6	10	9.5	Đạt	
25	B1-25	25613116	Đặng Thị Thanh	Thúy	10/11/2007	Nữ	Tây Ninh	7.8	9.6	9.2	8.9	Đạt	
26	B1-26	24613140	Nguyễn Thị Phương	Trình	02/03/2006	Nữ	Tây Ninh	7.0	7.8	8.0	7.6	Đạt	
27	B1-27	25613099	Lê Quốc	Tuấn	06/04/2007	Nam	Gia Lai	6.8	8.5	7.2	7.5	Đạt	
28	B1-29	25614463	Ngô Gia	Uyên	19/11/2007	Nữ	TP.HCM	9.0	9.3	8.4	8.9	Đạt	
29	B1-30	24613051	Nguyễn Lê Anh	Vũ	07/12/2006	Nam	Gia Lai	6.8	10	7.6	8.1	Đạt	
30	B1-31	22613027	Đào Thuý	Vy	23/03/2002	Nữ	Đồng Nai	6.0	10	4.0	6.7	Đạt	
31	B1-32	24613156	Nguyễn Trà	Vy	28/11/2006	Nữ	Gia Lai	6.5	8.8	4.0	6.4	Đạt	
32	B1-33	25641330	Trần Ngọc Như	Ý	29/06/2007	Nữ	TP.HCM	7.8	6.8	7.6	7.4	Đạt	

Tổng danh sách: 32 SV

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN SINH VIÊN CAO ĐẲNG
ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B2
KHÓA THI NGÀY 13/9/2026**

(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ)

TT	Số BD	Thông tin sinh viên						Điểm			Điểm trung bình	Kết quả	Ghi chú
		MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Nói	Đọc / Viết	Nghe			
01	B2-01	23621125	Trần Hải	Đăng	18/07/2005	Nam	Cần Thơ	9.0	7.3	9.2	8.5	Đạt	
02	B2-02	24621015	Bế Thái	Dương	12/12/2005	Nam	Lâm Đồng	7.0	4.1	8.4	6.5	Đạt	
03	B2-03	25621073	Bùi Lâm Ngọc	Hân	20/12/2007	Nữ	TP.HCM	8.0	5.3	7.6	7.0	Đạt	
04	B2-04	25621150	Lê Yến	Linh	02/12/2007	Nữ	Vĩnh Long	7.0	4.7	9.2	7.0	Đạt	
05	B2-07	21621179	Nguyễn Thị Phương	Loan	27/12/2002	Nữ	Đồng Nai	9.5	9.0	8.0	8.8	Đạt	
06	B2-05	23621089	Hoàng Thị	Ny	03/10/2004	Nữ	Hà Tĩnh	8.0	9.8	10	9.3	Đạt	
07	B2-06	23621079	Lê Ngọc	Trúc	13/05/2003	Nữ	TP.HCM	9.0	7.0	9.6	8.5	Đạt	

Tổng danh sách: 07 SV